TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2025/DS-ST
Ngày 25-9-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Vinh Toan.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 428/2025/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 833/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nH M, ấp C, xã P, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã L, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn:

Bà Ninh Thị L1, sinh năm 1953 (mẹ ruột ông D);

Bà Dương Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977 (vợ ông D);

Cháu Ninh Quốc Vĩ D1, sinh năm 2002; Cháu Ninh Quỳnh D1, sinh năm 2004 (con ruột ông D); Cháu Ninh Quốc Khánh D1, sinh năm 2007 và cháu Ninh Dương Nhã D1, sinh 06/11/2020 (con ruột ông D).

Cùng địa chỉ: F, tổ B, khu phố B, phường T, tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Kim P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp 5, xã Long Phước, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai).

- Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/10/2022, bà V có cho ông Ninh Quốc D vay số tiền 500.000.000đ có viết giấy vay tiền, lãi suất là 1,65%/tháng, thời hạn trả tiền là 03 tháng kể từ ngày vay. Khi vay tiền thì vợ ông D là bà H biết và không có ý kiến gì nhưng thời điểm giao tiền và ký giấy nhận tiền là chỉ có một mình ông D. Hết thời hạn trả nợ ông D không trả nên bà V đã nhiều lần liên hệ với ông D để trả tiền nhưng ông D vẫn không trả như cam kết và tìm mọi cách né tránh. Bà V đã tìm đến nH để làm việc và ông D có hẹn trả nhưng vẫn không trả.

Nay bà V khởi khởi kiện yêu cầu Toà án buộc:

Buộc bà Dương Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977 phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là ông Ninh Quốc D – trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền là 740.350.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) bao gồm: 500.000.000 đồng tiền gốc theo giấy mượn tiền ngày 26/10/2022 và lãi suất tính 1,65%/tháng tạm tính 240.350.000 đồng tính đến thời điểm xét xử (29 tháng 4 ngày = 240.350.000 đồng).

Buộc bà Dương Nguyễn Thanh H phải trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc là 500.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bích V tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,65%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lãi suất trên tổng số tiền nợ gốc tính từ ngày quá hạn trả nợ là ngày 27/01/2023 đến ngày xét xử 25/9/2025 là 31 tháng 28 ngày với mức lãi suất 10%/năm cụ thể: 500.000.000 đồng x 10%/năm x 31 tháng 28 = 132.523.333đ.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

- Người làm chứng ông P và bà V trình bày: Vào ngày 26/10/2022, ông P và bà bà Thanh V có chứng kiến bà Nguyễn Thị Bích V có cho ông Ninh Quốc D vay và giao nhận số tiền 500.000.000đ, hai bên có viết giấy vay tiền. Ông P và bà Thanh V cam kết khai đúng sự thật.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tống đạt cho đương sự, niêm yết đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định.

Về nội dung của vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và thực hiện

nghĩa vụ do người chết để lại" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ đương sự cung cấp thì bị đơn là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D hiện D1g sinh sống tại địa chỉ: F12, tổ 8, khu phố 4, phường Tân Hiệp, tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: Bà V khởi kiện nên xác định là nguyên đơn; bà Dương Nguyễn Thanh H, bà Ninh Thị L1, cháu Ninh Quốc Vĩ D1, cháu Ninh Quỳnh D1, cháu Ninh Quốc Khánh D1 và Ninh Dương Nhã D1 nên được xác định là bị đơn. Đối với ông Võ Văn Hoàng Kim là chồng của bà V trình bày số tiền bà V cho ông D vay là tài sản riêng của bà V, ông không có yêu cầu gì và đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Kim tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4] Về xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ông Ninh Quốc D đã chết ngày 29/8/2023, theo trích lục khai tử số 48/2023/TLKT của UBND phường Tân Hiệp, tHnh phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai). Theo đơn khởi kiện, kết quả xác minh tại địa phương và tờ tường trình quan hệ nhân thân được chứng thực tại Văn phòng công chứng Trần Đình Khương thể hiện: Theo giấy khai sinh ông Ninh Quốc D có mẹ là bà Ninh Thị L1, sinh năm 1953 và không có khai sinh tên người cha; theo giấy chứng nhận kết hôn vợ của ông D là bà Dương Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; ông D và bà H có 04 người con gồm: Ninh Quốc Vĩ D1, sinh năm 2002; Ninh Quỳnh D1, sinh năm 2004; Ninh Quốc Khánh D1, sinh năm 2007 và Ninh Dương Nhã D1, sinh năm 2020.

[1.5] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bị đơn là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D trong vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng và đã nhận được nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Theo giấy vay tiền ngày 26/10/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung "tôi tên là Ninh Quốc D, sinh năm 1975; CMND số 271160624 cấp ngày 16/1/12, ĐC: F12, tổ 8, khu phố 4, phường Tân Hiệp, tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có vay của chị Nguyễn Thị Bích V….. số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) hẹn 3 tháng trả" tại cuối trang có chữ ký và chữ viết Ninh Quốc D. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ để xác định ông D thực tế có vay của bà V số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

[2.3] Về tiền lãi: Theo nội dung giấy vay tiền ngày 26/10/2022 không thoả thuận về tiền lãi và các đương sự thống nhất trình bày không thoả thuận tiền lãi. Vì vậy, theo khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định "*Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*". Do hai bên thoả thuận thời hạn trả tiền nợ gốc trong 03 tháng nhưng đến hạn bên vay không trả nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trên nợ gốc được tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày xét xử xử là 31 tháng 28 ngày. Nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lãi suất với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày quá hạn trả nợ là 31 tháng 28 ngày cụ thể: 500.000.000 đồng x 10%/năm x 31 tháng 28 = 132.523.333đ (một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Xét yêu cầu đỉnh chỉnh lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản ông D để lại: Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh tài sản của ông D để gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 837954 cấp ngày 29/7/2017, cấp đổi ngày 26/9/2019; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 2 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 150886 cấp ngày 28/5/2021, đăng ký thay đổi chủ sử dụng đất ngày 02/7/2021; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 82, tờ bản đồ số 2 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 150885 cấp ngày 28/5/2021, đăng ký thay đổi chủ sử dụng đất ngày 02/7/2021; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 2 toạ lạc tại xã Bàu Cạn,

huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 150884 cấp ngày 28/5/2021, đăng ký thay đổi chủ sử dụng đất ngày 02/7/2021; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 19 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 913620 cấp ngày 28/12/2016; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 121, tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 679659 cấp ngày 08/11/2017, đăng ký thay đổi chủ sử dụng đất ngày 24/9/2019; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã Bàu Cạn, huyện Long THnh, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 837955 cấp ngày 29/7/2017, đăng ký thay đổi chủ sử dụng đất ngày 24/9/2019; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14 toạ lạc phường Hố Nai, tHnh phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 910680 cấp ngày 26/4/2016; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11 toạ lạc phường Tân Mai, tHnh phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 310304 cấp ngày 30/6/2016; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 875, tờ bản đồ số 27 toạ lạc tại phường Trảng Dài, tHnh phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 746373 cấp ngày 26/10/2016;

Tài sản do ông D để lại được những người thừa kế của ông D lập văn bản thoả thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Trần Đình Khương và thông báo niêm yết về việc phân chia di sản thừa kế tại UBND phường Tân Hiệp, tHnh phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai).

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Ninh Quốc D trả số tiền nợ gốc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và lãi là 132.523.333đ (một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Do yêu cầu của bà V được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 29.300.933đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng).

[4.2] Hoàn trả cho nguyên đơn bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.807.000đ (mười sáu triệu, tám trăm linh bảy nghìn đồng).

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278; 463; 466; 613; 614; 615; 616; 617; 649; 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Tuyên buộc bà Dương Nguyễn Thanh H, bà Ninh Thị L1, cháu Ninh Quốc Vĩ D1, cháu Ninh Quỳnh D1, cháu Ninh Quốc Khánh D1 và Ninh Dương Nhã D1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích V số tiền là 632.523.333đ (sáu trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và lãi là số tiền 132.523.333đ (một trăm ba mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Bà Dương Nguyễn Thanh H, bà Ninh Thị L1, cháu Ninh Quốc Vĩ D1, cháu Ninh Quỳnh D1, cháu Ninh Quốc Khánh D1 và Ninh Dương Nhã D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 29.300.933đ (hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn, chín trăm ba mươi ba đồng.

3.2. Hoàn trả cho Nguyễn Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.807.000đ (mười sáu triệu, tám trăm linh bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006752 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Biên Hoà (nay là Phòng thi Hnh án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự, có quyền thỏa thuận thi Hnh, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh

án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi Hnh án; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV1- Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- PTHADS KV1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn